

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16 - 7 - 2021

V/v: *Kiến xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân Ông Quách Minh Nhiên

Ông Nguyễn Như Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “*Kiến xin ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị C – sinh năm 1989

Trú tại: xóm M, xã Tự D, huyện Lạc S, tỉnh Hòa Bình (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1983

Trú tại: xóm M2, xã Hòa B, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Hiện đang sinh sống lao động tại Malayxia –(không có địa chỉ) - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 29/8/2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Bùi Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 24/12/2008, trước khi kết hôn có thời gian được tự do tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện và được sự nhất trí của hai bên gia đình, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã Hòa B, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình sinh sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã lẫn nhau. Được một thời gian ngắn anh T đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (Árậpxêút), một thời gian lại trở về Việt Nam sinh sống. Quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn, anh T lại bỏ mẹ con chị ở nhà tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (Malayia). Từ năm 2013 cho đến nay, anh T không hỏi thăm và gửi tiền về để chị chăm sóc con cái. Qua được biết anh T chỉ điện thoại và gửi tiền về cho mẹ đẻ Phùng Thị L. Mặc dù chị cố gắng chờ đợi nhưng không có kết quả, hai vợ chồng đã sống ly thân, xa nhau từ năm 2013 và không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 03-10-2009 và cháu Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 12/7/2013. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Đức Kh, và đồng ý để anh T chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức Th, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T: Tòa đã triệu tập nhiều lần, xong không có mặt tại Việt Nam, do đó không có lời khai. Qua xác minh tại Phòng xuất nhập cảnh Công an tỉnh Hòa Bình, thì anh Nguyễn Văn T có viza xuất cảnh và chưa nhập cảnh về Việt Nam.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Phạm Thị L (mẹ đẻ anh T), bà L khai: Tôi là mẹ của anh T, chị C là con dâu tôi, quá trình các cháu tìm hiểu và được sự nhất trí của hai bên gia đình, có tổ chức theo phong tục địa phương, trong thời gian chung sống thì tôi không biết được mâu thuẫn của gia đình cháu. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh T có đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, sau một thời gian thì về nước. Sau đó lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại nước (Malayxia) từ năm 2013 cho đến nay, bản thân tôi không biết địa chỉ của cháu, chỉ thấy anh T thường xuyên điện thoại về cho tôi, đồng thời thường hay gửi tiền về cho tôi, để tôi chăm sóc gia đình và đóng học cho con trai anh T là cháu Nguyễn Đức Th. Nay anh T và chị C ly hôn thì

tôi đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Đức Th cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục vì từ bé đến nay cháu ở với tôi và bố cháu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của hai cháu Nguyễn Đức Th và Nguyễn Đức Kh, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Đức Th, đề nghị được ở với bố là anh Nguyễn Văn T; cháu Nguyễn Đức Kh đề nghị được ở với mẹ là Chị Bùi Thị C.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đây là vụ án kiện xin ly hôn có yếu tố nước ngoài, Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, bị đơn anh Nguyễn Văn T đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, không cung cấp địa chỉ, mà vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, do đó được coi là cố tình giấu địa chỉ, hai người đã sống ly thân thời gian dài. Xét việc mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, cho Chị Bùi Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, do anh Nguyễn Văn T đang ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể, không có mặt tại Việt Nam, do vậy căn cứ theo Điều 104; Điều 105 Luật hôn nhân gia đình, nên giao 2 cháu Nguyễn Đức Th và Nguyễn Đức Kh cho Chị Bùi Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Khi nào có thay đổi nuôi con chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung. Quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hòa Bình và đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét đơn xin ly hôn và nuôi con của Chị Bùi Thị C;

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 24/12/2008, trước khi kết hôn có thời gian được tự do tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện và được sự nhất trí của hai bên gia đình, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận, Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình sinh sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã lẫn nhau. Được một thời gian ngắn anh T đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (Ârậpxêút), một thời gian lại trở về Việt Nam sinh sống. Quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn, anh T lại bỏ mẹ con chị ở nhà tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (Malayia). Từ năm 2013 cho đến nay anh T không hỏi thăm và gửi tiền về để chị chăm sóc con cái. Mặc dù chị cố gắng chờ đợi nhưng không có kết quả, hai vợ chồng đã sống ly thân, xa nhau từ năm 2013 và không còn quan tâm đến nhau.

Xét kể từ năm 2013 đến nay anh Nguyễn Văn T thường xuyên gọi điện thoại và gửi tiền về gia đình bên nội. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ của thân nhân, xong thân nhân của gia đình anh và bản thân anh Nguyễn Văn T không cung cấp địa chỉ nơi cư trú của mình, điều đó thể hiện anh Nguyễn Văn T cố tình giấu diếm địa chỉ. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T là đúng theo quy định của pháp luật.

Xét thấy thấy mâu thuẫn gia đình trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu giải quyết cho Chị Bùi Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 03-10-2009 và cháu Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 12/7/2013. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Đức Kh, và đồng ý để anh T chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức Th, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát, về việc giao cả hai cháu cho Chị Bùi Thị C chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh Nguyễn Văn T đi xuất khẩu lao động, mặc dù không có địa chỉ cụ thể, tuy nhiên anh thường xuyên gọi điện và gửi tiền về cho gia đình bên nội. Đặc biệt là những ngày lễ tết, hoặc ngày đầu năm học mới, anh vẫn gửi tiền về để nuôi

nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Đức Th. Xét điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung, cả hai bên đương sự đều có đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, đối với thu nhập bình quân của Chị Bùi Thị C được 6.000.000 đồng/tháng, thì không thể đảm bảo điều kiện để nuôi cả hai cháu được. Đặc biệt từ trước khi anh Nguyễn Văn T đi xuất khẩu lao động, cháu Nguyễn Đức Kh mới sinh và luôn được sự chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục của Chị Bùi Thị C, đồng thời anh Nguyễn Văn T đón cháu Nguyễn Đức Th về ở với anh và gia đình bên nội từ năm 2013. Do vậy để tránh làm đảo lộn và xáo trộn cuộc sống cũng như sinh hoạt, đồng thời đảm bảo điều kiện tâm lý của hai cháu, nên giao con chung cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Do vậy ý kiến của đại diện viện kiểm sát Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[4] Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51 56, 81, 82, 83, 84, 127 của Luật Hôn nhân gia đình. Nghị quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị Bùi Thị C

Cho Chị Bùi Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 12-7-2013 cho Chị Bùi Thị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; Giao cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 03/10/2009 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Hai bên được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và được quyền thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Bùi Thị C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0007020 ngày 02-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS tỉnh HB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Mạnh Hùng